

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2020/DS-PT

Ngày: 07-9-2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất,  
tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất  
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền  
sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Hoàng Minh Thịnh

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn H1

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 262/2020/TLPT-DS ngày 21/4/2020 về việc: V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 726/2020/QĐPT-DS ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Kim H; Sinh năm: 1956;, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Lưu Thanh P; Cư trú tại:., thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2019). Có mặt

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1975

2. Bà Phan Thị Thanh N, sinh năm 1978

Cùng cư trú tại:, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990;

Cư trú tại: tỉnh Vĩnh Long.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020 ).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Phương D; Cư trú tại: , GA 30044, Hoa Kỳ.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phương D:* Bà Nguyễn Kim H (Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2015).

Vắng mặt

2. Ông Trương Minh A. Vắng mặt

3. Ông Trương Minh T. Vắng mặt

4. Bà Nguyễn H N. Vắng mặt

Cùng cư trú tại:, GA 30044, Hoa Kỳ.

5. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1978; Cư trú tại:, tỉnh Vĩnh Long.

Vắng mặt

6. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1981; Cư trú tại: tỉnh Vĩnh Long.

Vắng mặt

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T1:* Bà Nguyễn Kim H (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2015).

7. Bà Nguyễn Kim Q, sinh năm 1983. Vắng mặt

8. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1985. Vắng mặt

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Kim Q, ông Nguyễn Trung H:* Bà Nguyễn Kim H (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2015). Vắng mặt

Cùng cư trú tại: tỉnh Vĩnh Long.

10. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1957; Cư trú tại:, tỉnh Vĩnh Long.

Vắng mặt

11. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969; Cư trú tại: Số thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

12. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; Cư trú tại: Ấp Vĩnh Long.

Vắng mặt

13. Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thanh C. Chức vụ: Chủ tịch.  
(xin vắng mặt)

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn Nguyễn Kim H, Bị đơn Nguyễn Thanh D, Phan Thị Thanh N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Kim Q.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kim H và người đại diện hợp pháp trình bày:*

Vào năm 1980, cha mẹ chồng của bà là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N có cho vợ chồng bà là ông Nguyễn Phương Minh và bà phần đất diện tích 1.100m<sup>2</sup> để cất nhà ở, khi tặng cho không có làm hợp đồng mà chỉ nói miệng. Sau đó, vợ chồng sử dụng phần đất trên có đắp bờ bao, đắp nền nhà khoảng 80m<sup>2</sup> và trồng một số cây cam, cây bưởi. Đến năm 1986, vợ chồng bà cho ông Nguyễn Văn H1 ở nhờ để nuôi vịt đến năm 1993 ông H1 trả lại đất. Sau đó, vợ chồng bà có con nhỏ không có điều kiện canh tác nên bà Nguyễn Thị N hỏi mượn lại phần đất trên để trồng bưởi và hứa khi nào vợ chồng bà có điều kiện canh tác sẽ trả lại. Đến năm 2009, do bà N có phần đất khác giáp thửa đất 202 nên để thuận tiện cho việc canh tác, bà N yêu cầu bà và ông Minh phải trả lại một phần đất diện tích 317,4m<sup>2</sup> thuộc chiết thửa 202 và bà N nhập vào diện tích đất liền kề của bà N nhưng không biết thửa đất nào, phần đất còn lại diện tích 782,6m<sup>2</sup> thuộc chiết thửa 202 thì vợ chồng bà đăng ký kê khai đến ngày 22/3/2011, hộ ông Nguyễn Phương Minh và bà Nguyễn Kim H được Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58, diện tích 782,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 14. Sau đó, bà yêu cầu bà N trả lại phần đất thửa 58, diện tích 782,6m<sup>2</sup> thì bà N không có ý kiến vì bị bệnh tai biến, còn ông D không đồng ý trả đất.

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp không có nhà chỉ có cây trồng do bà N, ông D trồng từ năm 1996. Các cây trồng hiện nay ông D là người đang thu hoạch và quản lý. Theo kết quả khảo sát đo đạc thực tế thửa 58 hiện nay có diện tích 750,5m<sup>2</sup> bà thống nhất xác định diện tích trên làm cơ sở xem xét giải quyết tranh chấp. Bà yêu cầu ông D, bà N trả lại cho bà phần đất thửa 58, diện tích 750,5m<sup>2</sup>.

Ngày 11/7/2019 bà H khởi kiện bổ sung và yêu cầu xác định phần đất thửa số 58, diện tích 750,5m<sup>2</sup> là tài sản chung của bà với ông Minh. Bà yêu cầu xác định phần của bà trong khối tài sản chung thửa đất 58 có diện tích 375,25m<sup>2</sup>, còn phần của ông Minh ½ diện tích còn lại có diện tích 375,25m<sup>2</sup>. Năm 2014 ông Minh chết không để lại di chúc. Ông Minh có những người thừa kế theo pháp luật gồm: mẹ bà Nguyễn Ngọc N, vợ là bà Nguyễn Kim H và 5 người con ông Minh gồm: Nguyễn Phương D, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Kim Q và Nguyễn Trung H. Do đó, bà yêu cầu chia cho bà ½ thửa đất 58, diện tích 375,25m<sup>2</sup>; chia thừa kế di sản của ông Minh trong vụ án này là ½ thửa đất 58, diện tích 375,25m<sup>2</sup> làm 7 phần mỗi người một phần bằng nhau. Bà và các con

ông Minh sẽ nhận đất 6 phần tương đương diện tích  $321,65\text{m}^2$ , kỷ phần thừa kế của bà N tương đương diện tích  $53,6\text{m}^2$  bà đồng ý giao lại cho các con bà N.

Nay bà yêu cầu ông D, bà N trả lại cho bà phần đất thừa số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích là  $(375,25\text{m}^2 + 321,65\text{m}^2) = 696,9\text{m}^2$ , loại đất ở  $300\text{m}^2$ ,  $396,9\text{m}^2$  loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Đối với phần cây trồng trên đất do ông D, bà N trồng bà yêu cầu bên phía ông D di dời cây trồng trả đất lại cho bà. Phần đất tranh chấp bà N, ông D lập vườn bà đồng ý hỗ trợ cho ông D chi phí 5.000.000 đồng.

*Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 08/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh D, bà Phan Thị Thanh N có người đại diện hợp pháp ông Trần Chính Thống trình bày:*

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn S (chết năm 1986) và bà Nguyễn Thị N. Bà N cho ông Nguyễn Văn H1 ở nhờ, đến khoảng đầu năm 1992 ông H1 trả lại đất cho bà N. Khi đó, bà N nhận đất từ ông H1 và bà N sử dụng trồng bưởi nhưng do ông D là con út ở chung bà N từ nhỏ nên phần đất trên ông D trực tiếp canh tác. Trong quá trình sử dụng bà N đã tặng cho ông D phần đất trên, khi cho không có làm hợp đồng tặng cho mà chỉ nói miệng. Từ năm 1993, ông D sử dụng đất với mục đích trồng lúa đến năm 2000 ông D lên vườn trồng bưởi cho đến nay, hiện các cây bưởi được trồng trên 16 năm tuổi.

Qua các chương trình đất thì phần đất tranh chấp ông D không biết ai đăng ký. Đến năm 2009 khi thực hiện chương trình Vlap thì ông D và bà N mới phát hiện ông Minh đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên ông D và bà N phản đối và yêu cầu ông Minh sang tên trả lại phần diện tích đất tranh chấp khoảng  $1.100\text{m}^2$  và ông Minh có hứa sang tên trả lại toàn bộ phần đất nhưng sau đó không thực hiện lời hứa. Ông Minh trước đây là cán bộ công tác ở xã Mỹ Hòa nên tự ý kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận phần đất trên. Bà N không biết chữ nên không có ký hồ sơ giáp cận thửa đất cho ông Minh. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58, diện tích  $782,6\text{m}^2$  giảm so với thửa 202 ban đầu theo bà H khai giữa bà H, ông Minh với bà N có thỏa thuận trả lại một phần đất diện tích  $317,4\text{m}^2$  thuộc chiết thửa 202 và bà N nhập vào diện tích đất liền kề của bà N là hoàn toàn không có.

Ông D và bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất trên bà N đã cho ông D canh tác sử dụng. Ông bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58, diện tích  $782,6\text{m}^2$ , tờ bản đồ số 14, loại đất ở  $300\text{m}^2$ , loại đất trồng cây lâu năm  $482,6\text{m}^2$  do Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh) cấp cho hộ ông Nguyễn Phương Minh và bà Nguyễn Kim H ngày 22/3/2011 và yêu cầu công nhận phần đất thửa 58 cho ông bà.

Ông, bà thống nhất với trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/7/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xác định phần đất tranh chấp là 750,5m<sup>2</sup>. Phần đất bà H đồng ý giao cho các con của bà N hưởng di sản của ông Minh đối với thửa đất 58, diện tích 53,6m<sup>2</sup> ông không yêu cầu chia di sản thừa kế của bà N trong vụ án này.

*Tại bản khai ngày 21/7/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phương D và người đại diện hợp pháp Nguyễn Kim H trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Phần đất thửa 58, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Minh và bà H vẫn để cho ông D canh tác và thỏa thuận đến khi bà H cất nhà thì ông D sẽ trả lại phần đất thửa 58 trên cho ông Minh và bà H. Anh D yêu cầu chia thừa kế đối phần đất thửa 58 thuộc di sản của ông Minh để lại và phần thừa kế anh được hưởng đồng ý giao cho bà H hưởng. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại bản khai ngày 01/10/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung T trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Anh yêu cầu chia thừa kế đối phần đất thửa 58 thuộc di sản của ông Minh để lại và phần thừa kế anh được hưởng đồng ý giao cho bà H hưởng.

Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại bản khai ngày 01/10/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung T1 trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Anh yêu cầu chia thừa kế đối phần đất thửa 58 thuộc di sản của ông Minh để lại và phần thừa kế anh được hưởng đồng ý giao cho bà H hưởng.

Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại bản khai ngày 01/10/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Kim Q trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Chị thống nhất để lại phần đất và cây trồng trên đất cho bà H quản lý sử dụng. Chị yêu cầu chia thừa kế đối phần đất thửa 58 thuộc di sản của ông Minh để lại và phần thừa kế chị được hưởng đồng ý giao cho bà H hưởng.

Ngoài ra, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại bản khai ngày 01/10/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Anh yêu cầu chia thừa kế đối phần đất thửa 58 thuộc di sản của ông Minh để lại và phần thừa kế anh được hưởng đồng ý giao cho bà H hưởng.

Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại bản khai ngày 07/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn V trình bày:*

Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N. Sinh thời, cha mẹ còn sống đã tương phân đất cho các con gồm ông Nguyễn Phương Minh, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn T. Riêng ông thì không được chia đất. Phần đất còn lại sau khi được tương phân ông D đã quản lý sử dụng hết. Riêng phần đất thửa 58, ông Minh đã được cha mẹ tặng cho và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Tại bản khai ngày 09/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T trình bày:*

Phần đất thửa 58, tờ bản đồ số 14, diện tích 782,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc của cha mẹ ruột của ông là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N. Năm 1986, ông S mất, bà N cho ông Nguyễn Văn H1 mượn phần đất trên để trồng lúa và hoa màu, đến năm 1992 ông H1 trả lại phần đất trên cho bà N và bà N tặng cho phần đất trên cho ông Nguyễn Thanh D, sau đó ông D mới lập vườn trồng bưởi. Việc ông D canh tác sử dụng phần đất diện tích khoảng 5.000m<sup>2</sup> bao gồm phần đất tranh chấp khoảng từ năm 1992 cho đến nay các anh em trong gia đình đều biết và không có tranh chấp. Riêng đối với phần đất thửa 58 bà H và ông Minh cho rằng bà N tặng cho ông Minh là không đúng sự thật, vì cha mẹ ông đã tặng cho ông Minh và bà H phần đất khác khoảng 4.000m<sup>2</sup> đất tại ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Hòa hiện bà H và các con đang sinh sống trên thửa đất này. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N. Vào năm 1986, ông S và bà N có tặng cho ông phần đất diện tích khoảng 1.800m<sup>2</sup> trong đó

có thửa 202, diện tích 1.100m<sup>2</sup> (phần đất tranh chấp trong vụ án này) tọa lạc tại ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh) để canh tác sử dụng. Đến năm 1992 ông trả lại phần đất trên cho bà N. Từ năm 1992 phần đất trên bà N canh tác sử dụng nhưng do bà N ở chung với ông D nên ông D cùng bà N canh tác sử dụng và lên líp, lập vườn trồng bưởi cho đến nay.

Cha mẹ ông có nhiều phần đất ở nhiều nơi khác nhau và khi ông bà còn sống đã tương phân đất cho các con, riêng ông Nguyễn Thanh D ở chung bà N nên cho phần đất diện tích khoảng 9.000m<sup>2</sup> (trong đó có phần đất diện tích 1.100m<sup>2</sup> tranh chấp trong vụ án này). Việc ông Minh tự ý đăng ký kê khai và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58 các anh em trong nhà không hay biết. Ông khẳng định phần đất trên là của bà N, ông D. Ông không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này và đồng ý để phần đất này cho ông D là người sử dụng hợp pháp.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Minh Anh, Trương Minh T, Nguyễn H Nga: Ngày 18/11/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tiến hành ủy thác tư pháp theo quy định và ngày 08/9/2017 Bộ Tư Pháp đã có văn bản trả lời hồ sơ ủy thác tư pháp theo đề nghị của Tòa án đã được Cơ quan đại diện của Việt Nam tại Hoa Kỳ gửi thông báo cho đương sự và niêm yết hồ sơ nhưng đến nay đương sự không có hồi âm hoặc đến Đại sứ quán nhận hồ sơ tổng đạt.*

*Tại công văn số 927/UBND ngày 07/9/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh có nội dung:*

Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Kim H với ông Nguyễn Thanh D, bà Phan Thị Thanh N là tranh chấp giữa những người sử dụng đất với nhau đã được Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013, thì do Tòa án giải quyết vụ việc. Sau khi có quyết định giải quyết hoặc bản án có hiệu lực pháp luật thì Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 104, Điều 147, Điều 149, Điều 157, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 219, Điều 223, Điều 224, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685, Điều 733, Điều 767 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 166, 167, 170 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 27, Điều 28, Điều 31 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H và một phần yêu cầu độc lập của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phương D, anh Nguyễn Trung T, anh Nguyễn Trung T1, chị Nguyễn Kim Q, anh Nguyễn Trung H về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị Thanh N trả lại phần đất thuộc tách thửa 58, diện tích 696,5m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phương D, anh Nguyễn Trung T, anh Nguyễn Trung T1, chị Nguyễn Kim Q, anh Nguyễn Trung H về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế do ông Minh để lại.

Công nhận ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị Thanh N được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 58, diện tích 696,5m<sup>2</sup> (trong đó có 278,4m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn và 418,1 m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm), do hộ ông Nguyễn Phương Minh và bà Nguyễn Kim đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 26/8/2019, gồm các mốc giới: D,E,2,3,F,G,6,K,D. Phần đất trên hiện nay do ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị Thanh N đang quản lý sử dụng. (Sơ đồ đính kèm bản án).

Ông D và bà N có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

3. Buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị Thanh N trả giá trị đất cho bà Nguyễn Kim H bằng số tiền 208.950.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu chín trăm năm chục ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị Thanh N về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58, diện tích 782,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số số 14 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh) cấp cho hộ ông Nguyễn Phương Minh và bà Nguyễn Kim H ngày 22/3/2011.



Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Kim H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả lại cho bà và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Phương Minh thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích thực tế 750,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh).

Ngày 25/9/2019 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Kim Q, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả lại cho gia đình các anh chị thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích thực tế 750,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh).

Ngày 26/9/2019 bị đơn ông Nguyễn Thanh D, bà Phan Thị Thanh N có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét lại toàn bộ vụ án và sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã Bình Minh cấp diện tích đất 782,6m<sup>2</sup>, tại thửa số 58 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh) cho hộ ông Nguyễn Phương Minh, bà Nguyễn Kim H đứng tên. Công nhận diện tích đất trên của vợ chồng ông và không đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo như nêu trên.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và qua thẩm vấn tại phiên tòa thì có cơ sở khẳng định bà N đã cho ông Minh diện tích đất tranh chấp nhưng xét bà H và ông Minh không trực tiếp canh tác trên đất mà người sử dụng đất là ông D nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận phần đất tranh chấp cho ông D, bà N và buộc ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị Thanh N trả giá trị đất cho bà Nguyễn Kim H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp

nhận kháng cáo của Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

#### ***Về tố tụng:***

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của các đương sự được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại các khoản 5, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 34 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách các đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và trong suốt quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án thì phía nguyên đơn bà Nguyễn Kim H chỉ có yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh D, bà Phan Thị Thanh N phải trả lại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích 782,6 m<sup>2</sup> ( 300m<sup>2</sup> đất thổ cư, 482,6 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung T và Nguyễn Kim Q cho đến trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì cũng không có yêu cầu độc lập. Đến phiên tòa sơ thẩm được mở ngày 18/6/2019 thì phía nguyên đơn bà Nguyễn Kim H đề nghị tạm ngừng phiên tòa để bổ sung yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với chính diện tích đất đang tranh chấp với ông D, bà N. Sau khi Tòa án có quyết định tạm ngừng phiên tòa thì bà H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia thừa kế tài sản và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn trung H, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung T và Nguyễn Kim Q có đơn yêu cầu độc lập chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 58 kể trên. Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm tạm ngừng phiên tòa và chấp nhận cho nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện và chấp nhận cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chia thừa kế tài sản đối với chính

thừa đất mà các đương sự đang tranh chấp là không đúng quy định tại các điều 201, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung:***

[6] Các bên đương sự đều thống nhất đất tranh chấp là thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích 782,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Phương Minh, bà Nguyễn Kim H đứng tên số 709869 ngày 22/3/2011. Tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự thống nhất xác định diện tích đất tranh chấp thửa số 58, diện tích đo đạc thực tế ngày 26/8/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long là 696,5m<sup>2</sup> (trong đó đất ở 278,4m<sup>2</sup>, còn lại 418,1m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm).

[7] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định nguồn gốc thửa đất 58 nêu trên là của cha mẹ là ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị N để lại. Lời trình bày của các bên là có căn cứ vì theo tư liệu đo đạc 299/TTg năm 1980 thì đất tranh chấp trên là thuộc một phần thửa 128, tờ bản đồ số 7, diện tích 4,500m<sup>2</sup>, loại đất lúa, ghi nhận trong sổ mục kê là do ông Nguyễn Văn S đứng tên chủ sử dụng. Phía nguyên đơn bà H cho rằng năm 1980 thì bà N đã cho nguyên đơn một phần đất nêu trên, việc cho không làm giấy tờ mà chỉ nói miệng và nguyên đơn đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận qua các chương trình đất. Xét lời trình bày trên của bà H là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ phía bị đơn ông D không công nhận lời trình bày kể trên của nguyên đơn, các con của bà N gồm ông T, ông H1 (anh em với ông D, ông Minh-chồng bà H) đều xác định phần đất tranh chấp kể trên là bà N đã cho ông D từ lâu vì ông D là con út và có trách nhiệm nuôi bà N. Phía bà H cho rằng sau khi được cha mẹ tặng cho đất năm 1980 thì vợ chồng ông bà có canh tác sử dụng đắp bờ bao, đắp nền nhà và trồng một số cây cam, bưởi và đến năm 1993 thì cho em ruột là ông Nguyễn Văn H1 ở nhờ để nuôi vịt, tuy nhiên ông H1 là người đã canh tác phần đất trên một thời gian, xác định không có việc ông Minh bà H cho ông ở nhờ trên đất nay để nuôi vịt mà việc ông canh tác trên đất là do bà N kêu ông về ở, nhưng do canh tác không hiệu quả nên năm 1992 ông trả đất cho bà N. Đồng thời theo biên bản khảo sát đo đạc và định giá ngày 11/5/2017 thì phía nguyên đơn đều thừa nhận tài sản trên đất là cây bưởi là do ông D, bà N trồng và quản lý sử dụng từ năm 1996. Hiện nay trên đất không có bất cứ tài sản gì của nguyên đơn. Như vậy, về quá trình sử dụng đất thì phía nguyên đơn không canh tác sử dụng đất một ngày nào. Ông D là người sử dụng đất ổn định, lâu dài cùng với bà N từ năm 1980 cho đến nay.

[8] Về quá trình kê khai đăng ký đất: Theo công văn số 4743/STNMT ngày 30/11/2018 và công văn số 1170/STNMT ngày 04/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long thể hiện phần đất tranh chấp theo tư liệu đo đạc 299/TTg năm 1980 thuộc thửa 128, tờ bản đồ số 7, diện tích 4.500m<sup>2</sup>, loại đất lúa ghi trong sổ mục kê do ông Nguyễn Văn S đứng tên sử dụng. Đến tư liệu đo đạc bản đồ giải thửa năm 1991, phần đất trên được tách thành hai thửa, ghi nhận ông Nguyễn Phương Minh đứng tên chủ sử dụng trong Sổ mục kê đất thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.100m<sup>2</sup> và bà Nguyễn Thị N kê khai đăng ký thửa số 203, tờ bản đồ số 7, diện tích 690 và thửa 204, diện tích 3.250m<sup>2</sup>. Căn cứ vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Phương Minh ký ngày 22/10/1992 (BL 259) thể hiện ông Minh đăng ký thửa số 36, tờ bản đồ số 202 diện tích 1.100m<sup>2</sup>, loại đất Tổ + Quả, nguồn gốc đất là cha mẹ cho nhưng ông Minh không cung cấp được giấy tờ thể hiện là cha mẹ cho, đồng thời hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Bình Minh cũng không có biên bản họp xét thống nhất của Hội đồng đăng ký đất đai xã Mỹ Hòa.

[9] Với các chứng cứ nêu trên cho thấy ông Minh và bà H không phải là người trực canh, sử dụng đất ổn định đối với phần đất tranh chấp kể trên và cũng không có căn cứ để xác định ông S, bà N tặng cho phần đất trên cho ông Minh và bà H. Việc UBND huyện Bình Minh chỉ căn cứ tờ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Minh (không thể hiện giấy tờ được cha mẹ cho đất hoặc xác nhận cho đất), không xác minh làm rõ người xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phải là người sử dụng đất hay không từ đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Minh là chưa đúng quy định của pháp luật đất đai.

[10] Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc năm 1992 ông Minh kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 202 (thửa mới 58) và bà N cũng có kê những thửa đất khác gồm thửa 203, 204 mà không kê khai thửa đất 202 kể trên nên từ đó nhận định bà N đã cho ông Minh thửa 202 là không đúng vì không có giấy tờ gì chứng minh và khi bà N còn sống cũng không xác định việc tặng cho đất này. Do đó, việc UBND huyện Bình Minh chỉ căn cứ tờ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Minh (không thể hiện giấy tờ được cha mẹ cho đất hoặc xác nhận cho đất) từ đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Minh là chưa đúng quy định của pháp luật đất đai.

[11] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh D, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sửa bản án sơ thẩm, Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 58, tờ bản đồ số 14, diện tích

782,6m<sup>2</sup> (Qua đo đạc thực tế là 696,5m<sup>2</sup>) , tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 709869 ngày 22/3/2011 của UBND huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long cấp cho hộ ông Nguyễn Phương Minh, bà Nguyễn Kim H đứng tên.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên án sơ thẩm là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[13] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau: Ông Nguyễn Thanh D, bà Nguyễn Thị Thanh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Kim H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nhưng do bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phương D, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung H và Nguyễn Kim Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông D không phải chịu. Bà Nguyễn Kim H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1 và Nguyễn Thị Kim Q phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, 95, 97, 98, 99, 100 luật đất đai năm 2013

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Kim H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Kim Q.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh D, Phan Thị Thanh N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giữa nguyên đơn: Nguyễn Kim H; bị đơn: Nguyễn Thanh D, Phan Thị Thanh N.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phương D, anh Nguyễn Trung T, anh Nguyễn Trung T1, chị Nguyễn Kim Q, anh Nguyễn Trung H về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế do ông Minh để lại.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị Thanh N về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 58, diện tích 782,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh) cấp cho hộ ông Nguyễn Phương Minh và bà Nguyễn Kim H ngày 22/3/2011.

Công nhận ông Nguyễn Thanh D và bà Phan Thị Thanh N được quyền sử dụng phần đất thuộc tách thửa 58, diện tích 696,5m<sup>2</sup> (trong đó có 278,4m<sup>2</sup> loại đất ở nông thôn và 418,1 m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại ấp Mỹ Thới 1, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long theo sơ đồ vị trí thửa đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập ngày 26/8/2019, gồm các mốc giới: D,E,2,3,F,G,6,K,D. (Sơ đồ đính kèm bản án).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 709869 ngày 22/3/2011 của UBND huyện Bình Minh (nay là thị xã Bình Minh), tỉnh Vĩnh Long cấp cho hộ ông Nguyễn Phương Minh, bà Nguyễn Kim H đứng tên.

Ông D và bà N có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm :

Bà Nguyễn Kim H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền đã nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại biên lai thu số 186 ngày 24/5/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Thanh D, bà Phan Thị Thanh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả cho ông D, bà N mỗi người 200.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 771 và 772 ngày 25/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phương D, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung H và Nguyễn Kim Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí Nguyễn Phương D, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Trung H và Nguyễn Kim Q đã nộp theo các biên lai 1420 ngày 02/8/2019; số 1407, 1406, 1405 và số 1404 cùng ngày 25/7/2019 được trừ vào phần án phí phải chịu.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thanh D, bà Phan Thị Thanh N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả cho các ông bà Phan Thị Thanh N và Nguyễn Thanh D mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0001450, 0001451 cùng ngày 26/9/2019.

Bà Nguyễn Kim H được tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Trung H, Nguyễn Trung T, Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Kim Q phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí các ông bà đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0001466, 0001467, 0001468, 0001469 cùng ngày 08/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long được trừ vào phần án phí phúc thẩm phải chịu.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.***

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKS nhân dân cấp cao tại Tp.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Minh Thịnh**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**